

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 143 /2024/DS-PT

Ngày 11 - 4 - 2024

V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết.

Các Thẩm phán:

Ông Trần Duy Tuấn.

Ông Võ Thanh Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2024/TLPT-DS ngày 16/01/2024 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 66/2024/QĐ-PT ngày 28/02/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tô Anh A, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Tô Anh H, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.2. Bà Tô Thị Ánh N, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

2.3. Ông Tô Ánh V, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

2.4. Ông Tô Ánh P, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn F, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đồng bị đơn: Luật sư **Lê Trọng C** - Văn phòng **L**, Đoàn Luật sư tỉnh **Đ**; địa chỉ: **Số D N**, phường **T**, thành phố **B**, tỉnh **Đắk Lắk**; Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Tô Thị Ánh B**, sinh năm 1969; địa chỉ: **Thôn P**, xã **E**, huyện **K**, tỉnh **Đắk Lắk**; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Ông **Tô Văn K**, sinh năm 1954; địa chỉ: **Số A Bà T**, thành phố **B**, tỉnh **Đắk Lắk**; Có mặt.

3.3. Ông **Tô Ánh Đ**, năm 1972; địa chỉ: **Thôn P**, xã **E**, huyện **K**, tỉnh **Đắk Lắk**; Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông **Tô Anh H1**, bà **Tô Thị Ánh N**, ông **Tô Anh V**, ông **Tô Anh P**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông **Tô Anh Á** có người đại diện theo ủy quyền là ông **Võ Lê K1** trình bày:

Ông **Á** là con của ông **Tô N1**, sinh năm 1920 và bà **Trần Thị Đ1**, sinh năm 1930. Bố mẹ ông có 08 người con chung gồm: Ông **Tô Văn K**, ông **Tô Anh H1**, bà **Tô Thị Ánh N**, ông **Tô Anh V**, ông **Tô Anh P**, ông **Tô Ánh Đ**, bà **Tô Thị Ánh B** và ông **Tô Anh Á**.

Do cha của ông chết vào năm 1991 mà không để lại di chúc, nên ngày 03/4/2008 gia đình ông có tổ chức họp, thành phần tham gia gồm mẹ là bà **Trần Thị Đ1** (hiện đã chết vào ngày 26/02/2022) và 08 người con nói trên.

Sau khi họp xong, gia đình ông đã thống nhất như sau: Gia đình có mảnh đất vườn tại **thôn P**, xã **E**, huyện **K** có diện tích 800m² (Chiều ngang giáp **quốc lộ B** là 16m x chiều dài 50m). Phần đất các con được chia như sau: Chia đều cho các anh em (**K**, **H1**, **N**, **V**, **P**, **Đ**, **B**, **Á**) mỗi người 10m ngang, tại buổi họp các anh em thống nhất bán lại phần đất của mình được hưởng cho ông **Tô A Á** là em út với tổng giá tiền là 260.000.000 đồng. Sau đó ông **Á** làm thủ tục đăng ký đất đai và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với phần đất 6m ngang để lại cho mẹ ông là bà **Trần Thị Đ1**: “Đất 6m của mẹ chuyển giao lại cho **Tô Anh Á**”, nhưng vẫn đứng tên hộ bà **Trần Thị Đ1** tại thửa đất số 239, tờ bản đồ số 22, địa chỉ **xã E**, huyện **K**, tỉnh **Đắk Lắk**, diện tích 227m², gồm đất ở 75m² và đất trồng cây hàng năm khác là 152m², đã được **UBND huyện K** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **AL 686475** ngày 04/12/2009 cho hộ bà **Trần Thị Đ1**.

Bà **Trần Thị Đ1** ở với gia đình ông **Á** để ông chăm sóc phụng dưỡng. Đến năm 2009, anh trai đầu là ông **Tô Văn K** có xây dựng căn nhà diện tích khoảng 35m² + hiên cột gỗ diện tích khoảng 30m² để cho bà **Đ1** ở, giá trị nhà lúc mới

xây là 300.000.000 đồng. Đến năm 2011 anh trai là ông Tô Ánh V có xin anh đầu là ông K đồng ý cho xây dựng căn nhà nhỏ ở phía sau để cho hai con ông V ở, diện tích khoảng 60m², giá trị nhà lúc mới xây là 160.000.000 đồng. Hai con ông V ở một thời gian thì đến năm 2013 không ở nữa. Từ trước đến nay bà Đ1 và chị gái ông A là bà Tô Thị Ánh B bị tật nên đau bệnh thường xuyên cũng đang ở nhà ông A và do gia đình ông chăm sóc nuôi dưỡng hàng ngày.

Vì vậy, ông A mong muốn được quản lý, sử dụng diện tích đất tại thửa đất số 239 theo ý chí của mẹ và các anh em đã thống nhất tại cuộc Họp gia đình vào ngày 03/4/2008; mẹ và các anh chị em đều đồng ý, riêng anh đầu là Tô Văn K nói ông A phải trả khoản tiền mà ông Tô Văn K và ông Tô Ánh V đã xây dựng nhà trên đất với giá trị tương ứng thì ông K mới đồng ý ký vào văn bản chuyển quyền sử dụng đất, nhưng ông V và bà N không đồng ý với nhiều lý do.

Đến nay gia đình ông đã nhiều lần họp gia đình nhưng các anh em vẫn giữ nguyên ý kiến như trên. Vì vậy, ông A làm đơn khởi kiện về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Tô Văn K, ông Tô Anh H1, bà Tô Thị Ánh N, ông Tô Ánh V, ông Tô Ánh P, ông Tô Ánh Đ phải có trách nhiệm nhượng lại phần diện tích mà mình được hưởng trong khối tài sản chung hộ gia đình, đối với Thửa đất số 239, tờ bản đồ số 22, tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, diện tích 227m², gồm đất ở 75m² và đất trồng cây hàng năm khác là 152m², đã được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 686475 ngày 04/12/2009 cho hộ bà Trần Thị Đ1; đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông H2 dài 38m; Phía Tây giáp đất ông Tô Anh A dài 38m; Phía Nam giáp nương thủy lợi dài 6m; Phía Bắc giáp Quốc lộ B cạnh dài 6m.

2. Tài sản trên đất: Năm 2009 anh trai đầu là ông Tô Văn K có xây dựng căn nhà diện tích khoảng 35m² + hiên cột gỗ diện tích khoảng 30m² để cho bà Đ1 ở, giá trị nhà lúc mới xây là 300.000.000 đồng. Đến năm 2011 anh trai là ông Tô Ánh V có xin anh đầu là ông K đồng ý cho xây dựng căn nhà nhỏ ở phía sau để cho hai con ông V ở, diện tích khoảng 60m², giá trị nhà lúc mới xây là 160.000.000 đồng. Ông Tô Anh A sẽ nhận lại 02 căn nhà trên và trả lại số tiền mà ông Tô Văn K và ông Tô Ánh V đã xây theo giá trị thị trường tương ứng tại thời điểm xét xử.

Tuy nhiên, sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì ngày 26/02/2022, bà Trần Thị Đ1 đã chết không để lại di chúc và được UBND xã E, huyện K cấp giấy chứng tử số 37 ngày 03/3/2022. Hiện gia đình ông A đang quản lý, sử dụng diện tích đất nói trên.

Do đó, ông A làm đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Trần Thị Đ1 là quyền sử dụng diện tích đất 227m² tại thửa đất số 239, tờ bản đồ số 22, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã được UBND huyện K

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 686475 ngày 04/12/2009 cho hộ bà **Trần Thị Đ1** theo pháp luật. Đề nghị giao toàn bộ quyền sử dụng đất này cho ông **Â** được quản lý, sử dụng và ông sẽ thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế.

Bị đơn ông **Tô Ánh V trình bày:**

Tôi là con của ông **Tô N1** và bà **Trần Thị Đ1**. Ông **N1** chết năm 1991 không để lại di chúc, nên gia đình có tổ chức họp vào ngày 03/4/2008, gồm các thành viên trong gia đình: Mẹ là bà **Trần Thị Đ1** (Đã chết ngày 26/02/2022) và 08 người con gồm: Ông **Tô Văn K**, ông **Tô Anh H1**, bà **Tô Thị Ánh N**, ông **Tô Ánh V**, ông **Tô Ánh P**, ông **Tô Ánh Đ**, bà **Tô Thị Ánh B** và ông **Tô Anh Â**.

Từ khi ông **Tô N1** chết thì tôi đều có trách nhiệm phụng dưỡng và chăm sóc cho mẹ ruột là bà **Trần Thị Đ1**. Tuy nhiên, sau khi Toà án thụ lý vụ án thì ngày 26/02/2022 mẹ tôi là bà **Trần Thị Đ1** chết. Hiện gia đình em tôi là **Tô Anh Â** đang quản lý, sử dụng diện tích nói trên. Từ khi mẹ tôi mất cho đến nay, các anh chị em đã nhiều lần gặp mặt để họp gia đình nhưng chúng tôi vẫn không thoả thuận hay thống nhất được về việc tranh chấp này.

Nay em trai tôi là **Tô Anh Â** làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc: Chia di sản thừa kế của bà **Trần Thị Đ1** là quyền sử dụng diện tích đất 227m² tại thửa đất số 239, tờ bản đồ số 22, **xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** đã được **UBND huyện K** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 686475 ngày 04/12/2009 cho hộ bà **Trần Thị Đ1** theo pháp luật. Ông **Tô Anh Â** đề nghị giao toàn bộ quyền sử dụng đất này cho ông **Â** được quản lý, sử dụng và ông **Â** sẽ thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế, thì tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông **Tô Anh Â**, nhưng tôi yêu cầu ông **Â** phải thanh toán lại giá trị ngôi nhà cấp 4 phía sau vì tôi là người đã bỏ tiền ra xây nhà này (căn cứ theo giá của Hội đồng định giá thì 01 căn nhà xây cấp 4 phía sau, diện tích 72m² x 2.907.000 đồng/m² x 0,89 x 40% = 74.512.224 đồng). Còn giá trị của thửa đất 239, tờ bản đồ số 22, tại **xã E, huyện K** thì tôi không yêu cầu ông **Â** phải chia và thanh toán lại cho tôi. Sau khi nhận được đủ số tiền 74.512.224 đồng mà tôi đã bỏ ra để xây nhà cấp 4 diện tích 72m² nói trên thì tôi sẽ đồng ý ký các thủ tục sang tên thửa đất trên cho ông **Tô Anh Â**.

Tuy nhiên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 12/01/2023 thì tôi không đồng ý về giá trị tài sản của Hội đồng định giá tài sản đưa ra, cụ thể là:

Giá trị tài sản trên đất là 166.081.444 đồng; Giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường và tài sản trên đất: 906.000.000 đồng. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 1.072.081.444 đồng. Tôi thấy giá thấp hơn giá thị trường đồng thời tôi thấy tôi cũng có công sức đóng góp xây dựng nhà cho mẹ tôi ở nhưng mọi người đều không ghi nhận công sức của tôi. Chính vì vậy dẫn tới việc

tôi bức tức, cãi vã nên tôi đã bỏ về. Nhưng sau khi về thì tôi suy nghĩ kỹ về việc này nên tôi không yêu cầu thẩm định và định giá lại tài sản đang tranh chấp vì đây là toàn bộ tài sản của mẹ tôi.

Ý kiến của tôi là giữ toàn bộ tài sản của mẹ tôi bà **Trần Thị Đ1** làm nhà từ đường để thờ cúng ông bà tổ tiên, không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của ông **Tô Anh A** về việc Chia di sản thừa kế của bà **Trần Thị Đ1**.

Bị đơn ông **Tô Anh H1 trình bày:**

Tôi là con của ông **Tô N1** và bà **Trần Thị Đ1**. Ông **N1** chết năm 1991 không để lại di chúc, nên gia đình có tổ chức họp vào ngày 03/4/2008, gồm các thành viên trong gia đình: Mẹ là bà **Trần Thị Đ1** (Đã chết ngày 26/02/2022) và 08 người con như ông **Tô Ánh V** đã trình bày. Từ khi bố tôi ông **Tô N1** chết thì ông **Tô Anh A** cùng ở trong nhà để phụng dưỡng và chăm sóc cho mẹ là bà **Trần Thị Đ1**. Hiện gia đình ông **A** đang quản lý và sử dụng diện tích nói trên. Từ khi mẹ tôi mất cho đến nay, trong gia đình tôi cũng có nhiều lần gặp mặt các anh chị em để họp gia đình nhưng chúng tôi vẫn không thoả thuận hay thống nhất về việc tranh chấp này.

Nay em trai tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chia di sản thừa kế của bà **Trần Thị Đ1** là quyền sử dụng diện tích đất 227m² tại thửa đất số 239, tờ bản đồ số 22, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 686475 ngày 04/12/2009 cho hộ bà **Trần Thị Đ1** theo pháp luật. Ông **Tô Anh A** đề nghị giao toàn bộ quyền sử dụng đất này cho ông **A** được quản lý, sử dụng và ông **Tô Anh A** sẽ thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế gồm (ông **Tô Văn K**, ông **Tô Anh H1**, bà **Tô Thị Ánh N**, ông **Tô Ánh V**, ông **Tô Ánh P**, ông **Tô Ánh Đ**, bà **Tô Thị Ánh B**).

Tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện về việc Chia di sản thừa kế của bà **Trần Thị Đ1** của ông **Tô Anh A**, tôi không bỏ tiền để xây nhà và các công trình trên đất nên tôi chỉ yêu cầu ông **A** phải thanh toán lại giá trị của thửa đất 239, tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho tôi (là một trong các đồng thừa kế) theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà **Tô Thị Ánh N trình bày:**

Tôi là con của ông **Tô N1** và bà **Trần Thị Đ1**. Ông **N1** chết năm 1991 không để lại di chúc, nên gia đình có tổ chức họp vào ngày 03/4/2008, gồm các thành viên trong gia đình: Mẹ là bà **Trần Thị Đ1** (Đã chết ngày 26/02/2022) và 08 người con như ông **Tô Anh H1** đã trình bày. Từ khi ông **Tô N1** chết thì tôi và em tôi là **Tô Anh A** cùng ở nhà để phụng dưỡng và chăm sóc cho mẹ ruột là bà **Trần Thị Đ1**. Hiện gia đình ông **A** đang quản lý và sử dụng diện tích nói trên. Từ khi mẹ tôi mất cho đến nay, trong gia đình tôi cũng có nhiều lần gặp mặt các anh chị em để họp gia đình nhưng chúng tôi vẫn không thoả thuận hay thống nhất về việc tranh chấp này.

Tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông **Tô Anh Ấ** về việc Chia di sản thừa kế của bà **Trần Thị Đ1**, tôi không bỏ tiền để xây nhà và các công trình trên đất nên tôi chỉ yêu cầu ông **Ấ** phải thanh toán lại giá trị của thửa đất 239, tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất: **xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** cho tôi (là một trong các đồng thừa kế) theo quy định của pháp luật, căn cứ theo giá của Hội đồng định giá đã định giá thì diện tích thửa đất này có giá là 906.000.000 đồng.

Bị đơn ông **Tô Ánh P trình bày:**

Tôi là con của ông **Tô N1** và bà **Trần Thị Đ1**. Ông **N1** chết năm 1991 không để lại di chúc, nên gia đình có tổ chức họp vào ngày 03/4/2008, gồm các thành viên trong gia đình: Mẹ là bà **Trần Thị Đ1** (Đã chết ngày 26/02/2022) và 08 người con như ông **Tô Anh H1** đã trình bày. Từ khi bố tôi ông **Tô N1** chết thì ông **Tô Anh Ấ** cùng ở trong nhà để phụng dưỡng và chăm sóc cho mẹ là bà **Trần Thị Đ1**. Hiện gia đình ông **Ấ** đang quản lý và sử dụng diện tích nói trên. Từ khi mẹ tôi mất cho đến nay, trong gia đình tôi cũng có nhiều lần gặp mặt các anh chị em để họp gia đình nhưng chúng tôi vẫn không thoả thuận hay thống nhất về việc tranh chấp này.

Tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông **Tô Anh Ấ** về việc Chia di sản thừa kế của bà **Trần Thị Đ1**, tôi không bỏ tiền để xây nhà và các công trình trên đất nên tôi chỉ yêu cầu ông **Ấ** phải thanh toán lại giá trị của thửa đất 239, tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất: **xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** cho tôi (là một trong các đồng thừa kế) theo quy định của pháp luật, căn cứ theo giá của Hội đồng định giá đã định giá thì diện tích thửa đất này có giá là 906.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Tô Văn K trình bày:**

Tôi là con của ông **Tô N1** và bà **Trần Thị Đ1**. Ông **N1** chết năm 1991 không để lại di chúc, nên gia đình có tổ chức họp vào ngày 03/4/2008, gồm các thành viên trong gia đình: Mẹ là bà **Trần Thị Đ1** (Đã chết ngày 26/02/2022) và 08 người con như ông **Tô Anh H1** đã trình bày. Từ khi bố tôi ông **Tô N1** chết thì tôi và ông **Tô Anh Ấ** cùng ở trong nhà để phụng dưỡng và chăm sóc cho mẹ là bà **Trần Thị Đ1**. Hiện gia đình ông **Ấ** đang quản lý và sử dụng diện tích nói trên. Từ khi mẹ tôi mất cho đến nay, trong gia đình tôi cũng có nhiều lần gặp mặt các anh chị em để họp gia đình nhưng chúng tôi vẫn không thoả thuận hay thống nhất về việc tranh chấp này.

Tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông **Tô Anh Ấ** về việc Chia di sản thừa kế của bà **Trần Thị Đ1**, nhưng tôi yêu cầu ông **Ấ** phải thanh toán lại giá trị ngôi nhà gỗ và nhà cấp 4 phía trước (nhà thờ) vì tôi là người đã bỏ tiền ra xây các công trình này (căn cứ theo giá của Hội đồng định giá thì 01 căn nhà gỗ, lợp ngói, không vách, diện tích $42,5m^2 \times 2.800.000 \text{ đồng}/m^2 \times 0,89 \times 40\% = 42.364.000 \text{ đồng}$; 01 căn nhà xây cấp 4 phía trên (nhà thờ), diện tích $48,6m^2 \times 2.688.000 \text{ đồng}/m^2 \times 0,89 \times 40\% = 46.506.700 \text{ đồng}$; Tổng cộng 88.870.700

đồng). Còn giá trị của thửa đất 239, tờ bản đồ số 22 thì tôi không yêu cầu ông **Â** phải chia và thanh toán lại cho tôi mà tôi tự nguyện cho ông **Â** phần thừa kế của tôi. Sau khi nhận tiền 88.870.700 đồng là số tiền mà tôi đã bỏ ra để xây nhà cấp 4 phía trước có diện tích 48,6m² và nhà gỗ diện tích 42,5m² thì tôi sẽ đồng ý ký các thủ tục để hoàn tất thủ tục sang tên thửa đất trên cho ông **Tô Anh Â**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Ánh Đ trình bày:

Tôi là con của ông **Tô N1** và bà **Trần Thị Đ1**. Ông **N1** chết năm 1991 không để lại di chúc, nên gia đình có tổ chức họp vào ngày 03/4/2008, gồm các thành viên trong gia đình: Mẹ là bà **Trần Thị Đ1** (Đã chết ngày 26/02/2022) và 08 người con như ông **Tô Anh H1** đã trình bày. Từ khi bố tôi ông **Tô N1** chết thì tôi và ông **Tô Anh Â** cùng ở trong nhà để phụng dưỡng và chăm sóc cho mẹ là bà **Trần Thị Đ1**. Hiện gia đình ông **Â** đang quản lý và sử dụng diện tích nói trên. Từ khi mẹ tôi mất cho đến nay, trong gia đình tôi cũng có nhiều lần gặp mặt các anh chị em để họp gia đình nhưng chúng tôi vẫn không thoả thuận hay thống nhất về việc tranh chấp này.

Tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông **Tô Anh Â** về việc Chia di sản thừa kế của bà **Trần Thị Đ1**. Tôi không bỏ tiền để xây nhà và các công trình trên đất nên tôi chỉ yêu cầu ông **Â** phải thanh toán lại giá trị của thửa đất 239, tờ bản đồ số 22 cho tôi (là một trong các đồng thừa kế) theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị Ánh B trình bày:

Tôi là con của ông **Tô N1** và bà **Trần Thị Đ1**. Ông **N1** chết năm 1991 không để lại di chúc, nên gia đình có tổ chức họp vào ngày 03/4/2008, gồm các thành viên trong gia đình: Mẹ là bà **Trần Thị Đ1** (Đã chết ngày 26/02/2022) và 08 người con như ông **Tô Anh H1** đã trình bày. Từ khi bố tôi ông **Tô N1** chết thì tôi và ông **Tô Anh Â** cùng ở trong nhà để phụng dưỡng và chăm sóc cho mẹ là bà **Trần Thị Đ1**. Quá trình ở chung với mẹ tôi và ông **Tô Anh Â**, do bản thân tôi bị bệnh bẩm sinh nên chân bị liệt, chân không đi úp bàn được mà phải đi nghiêng một bên (thường xuyên bị đau nhức chân), nên cũng được ông **Â** chăm sóc, hỗ trợ nhiều mặt. Sau khi mẹ tôi mất thì tôi đã vào trong thành phố Hồ Chí Minh để kết hợp điều trị bệnh ở chân của tôi và làm phụ giúp việc gia đình trông cháu nhỏ cho con của người cháu họ ở **Chung cư C, Phường A, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh**.

Hiện gia đình ông **Â** đang quản lý và sử dụng diện tích nói trên. Từ khi mẹ tôi mất cho đến nay, trong gia đình tôi cũng có nhiều lần gặp mặt các anh chị em để họp gia đình nhưng chúng tôi vẫn không thoả thuận hay thống nhất về việc tranh chấp này.

Tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông **Tô Anh Â** về việc Chia di sản thừa kế của bà **Trần Thị Đ1**. Tôi không bỏ tiền để xây nhà và các công trình trên đất. Hơn nữa, do ông **Tô Anh Â** là người chăm sóc, phụng dưỡng mẹ tôi và chăm

sóc luôn cả tôi nên đối với phần thừa kế tài sản mà tôi được hưởng từ mẹ tôi bà **Trần Thị Đ1** để lại thì tôi tự nguyện để lại cho em trai **Tô Anh Â** và không nhận phần tài sản này.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc và kết quả định giá của Hội đồng định giá đã xác định được:

Lô đất đang tranh chấp có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông **Đại H3** cạnh dài 47,06 m; Phía Tây giáp đất ông **Tô Anh Â** cạnh dài 45,91 m; Phía Nam giáp nương thủy lợi cạnh dài 6,3m; Phía Bắc giáp **Quốc lộ B** cạnh dài 6,06m.

Tổng diện tích của lô đất là 355,6m² (trong đó, đất thuộc hành lang giao thông **Quốc lộ B** là 71,8m²) nên diện tích đất thực tế sau khi trừ chỉ giới quy hoạch đường giao thông còn lại là 283,8m² (Diện tích trong GCNQSDĐ là 227m²).

**** Giá trị quyền sử dụng đất đang tranh chấp có diện tích 283,8m²:***

Theo đơn giá Nhà nước: 208,8m² đất nông nghiệp x 50.000 đồng/m²= 10.400.000 đồng; 75m² đất thổ cư x 3.400.000 đồng/m² = 255.000.000 đồng.

Theo giá thị trường chuyển nhượng của địa phương tại thời điểm định giá là 150.000.000 đồng/mét ngang x 6,04m = 906.000.000 đồng (1).

**** Tài sản trên đất tại thời điểm định giá:***

+ 01 sân xi măng diện tích 54m² x 81.200đồng/m² x 40% = 1.753.920 đồng.

+ 01 Trụ cổng xây gạch thẻ 1.809.000 đồng/cái x 40% = 723.600 đồng.

+ 01 căn nhà gỗ, lợp ngói, không vách, diện tích 42,5m² x 2.800.000 đồng/m² x 0,89 x 40% = 42.364.000 đồng.

+ 01 căn nhà xây cấp 4 phía trên (nhà thờ), diện tích 48,6m² x 2.688.000 đồng/m² x 0,89 x 40% = 46.506.700 đồng.

+ 01 căn nhà xây cấp 4 phía sau, diện tích 72m² x 2.907.000 đồng/m² x 0,89 x 40% = 74.512.224 đồng.

+ 01 Cây lộc vừng cao lớn hơn 5m, đường kính gốc lớn hơn 40cm có đơn giá 221.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản trên đất là 166.081.444 đồng (2).

Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất: (1) + (2) = 1.072.081.444 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi hai triệu không trăm tám mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2023/DS-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 615, Điều 651,

Điều 658 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167, Điều 179 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 24, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Tô Anh Ấ** về chia di sản thừa kế của bà **Trần Thị Đ1** là diện tích đất 227m² (đo đạc thực tế là 283,8m²) và toàn bộ tài sản trên đất tại thửa đất số 239, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại **xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 686475 được Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 04/12/2009 cho hộ bà **Trần Thị Đ1**, trị giá 906.000.000 đồng.

Chia đều tài sản thừa kế của bà **Trần Thị Đ1** là quyền sử dụng đất cho 08 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà **Trần Thị Đ1**, gồm: Ông **Tô Văn K**, ông **Tô Anh H1**, bà **Tô Thị Ánh N**, ông **Tô Ánh V**, ông **Tô Ánh P**, ông **Tô Ánh Đ**, bà **Tô Thị Ánh B** và ông **Tô Anh Ấ**. Được chia bằng tiền cụ thể: Di sản thừa kế của bà **Trần Thị Đ1** 906.000.000 đồng/8 người = 113.250.000 đồng (Một trăm mười ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Giao cho ông **Tô Anh Ấ** được quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt diện tích 227m² (đo đạc thực tế là 283,8m²) tại thửa đất số 239, tờ bản đồ số 22, **xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** đã được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 686475 ngày 04/12/2009 cho hộ bà **Trần Thị Đ1** và tài sản trên đất. Có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông **Đại H3**; Phía Tây giáp đất ông **Tô Anh Ấ**; Phía Nam giáp nương thủy lợi; Phía Bắc giáp **Quốc lộ B**.

+ Ông **Tô Anh Ấ** có trách nhiệm thanh toán cho ông **Tô Anh H1**, bà **Tô Thị Ánh N**, ông **Tô Ánh V**, ông **Tô Ánh P**, ông **Tô Ánh Đ** mỗi người 113.250.000 đồng (Một trăm mười ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) là phần thừa kế mà ông **Tô Anh H1**, bà **Tô Thị Ánh N**, ông **Tô Ánh V**, ông **Tô Ánh P**, ông **Tô Ánh Đ** được thừa hưởng của bà **Trần Thị Đ1** để lại.

+ Ông **Tô Anh Ấ** có trách nhiệm thanh toán cho ông **Tô Văn K** số tiền 88.870.870 đồng (Tám mươi tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn tám trăm bảy mươi đồng).

+ Ông **Tô Anh Ấ** có trách nhiệm thanh toán cho ông **Tô Ánh V** số tiền 74.512.224 đồng (Bảy mươi bốn triệu năm trăm mười hai nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong

tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông **Tô Anh A** có quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 686475 do **UBND huyện K** cấp cho hộ bà **Trần Thị Đ1** ngày 04/12/2009 và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khi làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Ông **Tô Anh A** tự nguyện chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (đã nộp và chi phí xong).

3. Về án phí:

Ông **Tô Anh A** phải nộp số tiền 5.662.500 đồng (Năm triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông **Tô Anh A** đã nộp (Ông **Võ Lê K1** nộp thay) theo biên lai thu số AA/2021/0015852 ngày 17/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc. Ông **Tô Anh A** còn phải nộp 3.162.500 đồng (Ba triệu một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc.

Ông **Tô Ánh V**, ông **Tô Ánh P**, ông **Tô Ánh Đ** mỗi người phải chịu 5.662.500 đồng (Năm triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí đối với phần di sản thừa kế được nhận.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Ngày 31/8/2023, bị đơn ông **Tô Anh H1**, bà **Tô Thị Ánh N**, ông **Tô Ánh V**, ông **Tô Ánh P** có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm để xét xử theo hướng để lại nhà và đất của bà **Đ1** làm nơi thờ cúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông **Tô Anh A** giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; bị đơn ông **Tô Anh H1**, bà **Tô Thị Ánh N**, ông **Tô Ánh V**, ông **Tô Ánh P** giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Không

chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Tô Anh H1, bà Tô Thị Ánh N, ông Tô Ánh V, ông Tô Ánh P; Sửa bản án sơ thẩm số 49/2023/DS-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1] Về tố tụng: Bị đơn ông Tô Anh H1, bà Tô Thị Ánh N, ông Tô Ánh V, ông Tô Ánh P làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định. Ông V và ông P đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, ông H1 và bà N được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của bị đơn ông Tô Anh H1, bà Tô Thị Ánh N, ông Tô Ánh V, ông Tô Ánh P:

Vợ chồng ông Tô N1 và bà Trần Thị Đ1 có tài sản chung là khoảng 800m² tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi ông Tô N1 chết vào năm 1991 không để lại di chúc, gia đình gồm vợ ông N1 là bà Đ1 và 08 người con đã lập Biên bản họp gia đình ngày 03/4/2008 để chia tài sản thừa kế của ông N1, nội dung chia cho bà Đ1 6m ngang đất, phần đất còn lại chia đều cho 08 người con. Các anh chị em đều thống nhất bán lại diện tích đất mình được chia cho người em út là ông Tô A Âm quản lý, sử dụng; còn ông Tô Anh A có nghĩa vụ thanh toán cho các anh chị em mỗi người 43.000.000 đồng. Các anh chị em đã nhận đủ tiền, sau đó ông A đã được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất này.

Phần đất 6m ngang chia cho mẹ là bà Trần Thị Đ1 đã được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 686475 ngày 04/12/2009 cho hộ bà Trần Thị Đ1 đối với diện tích đất 227m², thửa đất số 239, tờ bản đồ số 22, tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 26/02/2022, bà Đ1 chết không để lại di chúc. Do đó, việc phân chia di sản thừa kế của bà Đ1 (khi có yêu cầu phân chia di sản thừa kế) thuộc trường hợp thừa kế theo pháp luật, được quy định tại Điều 674, điểm a khoản 1 Điều 675, Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Đ1 theo quy định tại Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005 gồm 08 người con: Ông Tô Văn K, ông Tô Anh H1, bà Tô Thị Ánh N, ông Tô Ánh V, ông Tô Ánh P, ông Tô Ánh Đ, bà Tô Thị Ánh B và ông Tô Anh A.

Nguyên đơn ông Tô Anh A khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Trần Thị Đ1 là quyền sử dụng diện tích đất 227m² nói trên. Ông A có nguyện vọng được nhận toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất, ông A sẽ thanh toán lại giá trị bằng tiền tương đương với phần tài sản mà mỗi người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Đ1 được hưởng và thanh toán giá trị căn nhà trên đất cho ông Tô

Ánh V và ông Tô Văn K. 06 người gồm ông Tô Văn K, ông Tô Anh H1, bà Tô Thị Ánh N, ông Tô Ánh P, ông Tô Ánh Đ, bà Tô Thị Ánh B đồng ý với yêu cầu của ông A về việc chia tài sản thừa kế của bà Đ1. Riêng ông Tô Ánh V không đồng ý chia tài sản thừa kế của bà Đ1. Do những người thừa kế của bà Đ1 không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án chấp nhận khởi kiện của ông Tô Anh A để chia tài sản thừa kế theo pháp luật là đúng quy định.

Theo quy định tại Quyết định số: 07/2022/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của UBND tỉnh Đ quy định hạn mức một số loại đất; kích thước, diện tích đất tối thiểu được phép tách thửa cho hộ gia đình, cá nhân; việc rà soát, công bố công khai các thửa đất nhỏ hẹp do nhà nước trực tiếp quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, thì diện tích đất được yêu cầu chia là 227m² nên không đủ điều kiện để chia bằng hiện vật (chia bằng diện tích đất) cho 08 người con, mà cần giao đất cho 01 người con quản lý, sử dụng và người con này có nghĩa vụ thanh toán lại bằng tiền tương đương giá trị phần tài sản thừa kế được chia cho 07 người con khác là phù hợp. Xét thấy ông Tô Anh A là con út trong gia đình, đã chung sống cùng nhà và trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng mẹ là bà Trần Thị Đ1, đồng thời ông A cũng là người trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất số 239, tờ bản đồ số 22 nói trên. Trong lúc bà Đ1 già yếu, ốm đau bệnh tật thì ông A là một trong những người trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng, chăm lo cho bà. Vì vậy, cần tiếp tục giao diện tích đất 227m², thửa đất số 239, tờ bản đồ số 22 và toàn bộ tài sản trên đất cho ông Tô Anh A quản lý, sử dụng; còn ông A có nghĩa vụ thanh toán lại bằng tiền tương đương giá trị phần tài sản thừa kế được chia cho 07 anh chị em khác là phù hợp.

Diện tích đất 227m², thửa đất số 239, tờ bản đồ số 22 có giá thị trường là 906.000.000 đồng : 8 = 113.250.000 đồng là giá trị 01 phần thừa kế được chia đều cho 08 người con.

Trong những người thuộc diện thừa kế, ông Tô Văn K và bà Tô Thị Ánh B tự nguyện giao lại phần tài sản thừa kế mình được hưởng cho ông A và không yêu cầu ông A phải thanh toán lại giá trị bằng tiền. Vì vậy, ngoài 01 phần tài sản được chia, ông A còn được nhận phần tài sản thừa kế được chia của ông K và bà B có giá trị: 113.250.000 đồng x 3 = 339.750.000 đồng; ông A chỉ phải thanh toán cho 05 người là ông Tô Anh H1, bà Tô Thị Ánh N, ông Tô Ánh V, ông Tô Ánh P, ông Tô Ánh Đ, với số tiền 113.250.000 đồng/người.

[2.2] Về tài sản trên đất:

Các đương sự đều thừa nhận ông Tô Văn K là người bỏ tiền ra xây 01 căn nhà gỗ diện tích 42,5m² có giá trị 42.364.000 đồng và 01 nhà cấp 4 phía trước (nhà thờ) diện tích 48,6m² có giá trị 46.506.700 đồng, tổng cộng 88.870.700 đồng; còn ông Tô Ánh V là người bỏ tiền ra xây 01 căn nhà cấp 4 (phía sau), diện tích 72m² có giá trị 74.512.224 đồng. Vì vậy, ông A phải thanh toán lại giá

trị 03 căn nhà này cho ông **K** và ông **V** theo giá trị còn lại tại thời điểm định giá như trên. Đối với các tài sản khác có trên đất gồm: 01 sân xi măng, 01 trụ công, 01 cây lộc vùng là tài sản do ông **A** tạo lập trong quá trình quản lý, sử dụng đất và sinh sống chung với mẹ là bà **Đ1** nên không chia mà được giao lại cho ông **A**.

Mặt khác, tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông **Tô Anh A** và những người thừa kế khác không yêu cầu chia tài sản gắn liền với đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định chia tài sản thừa kế của bà **Trần Thị Đ1** là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất tại thửa số 239, tờ bản đồ số 22 là vượt quá yêu cầu khởi kiện và xác định không đúng tài sản thừa kế của bà **Đ1**. Tòa án cấp phúc thẩm cần tuyên lại cho đúng, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Như đã nhận định ở trên, ông **Tô Anh A** được nhận thêm phần thừa kế được chia của ông **Tô Văn K** và bà **Tô Thị Ánh B** nên ông **A** phải chịu tiền án phí sơ thẩm tương ứng với giá trị 03 phần tài sản được nhận là 339.750.000 đồng. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc ông **A** phải chịu 5.662.500 đồng tiền án phí sơ thẩm tương ứng với 01 phần tài sản ông **A** được chia là không đúng. Bởi lẽ, tuy ông **K** là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí, còn bà **B** là người khuyết tật nên ông **K** và bà **B** được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án. Nếu người nhận tài sản thừa kế là ông **K** và bà **B** thì ông **K** và bà **B** được miễn tiền án phí, nhưng thực tế người nhận phần tài sản thừa kế của ông **K** và bà **B** là ông **Tô Anh A**, sinh năm 1975 không thuộc trường hợp được miễn tiền án phí nên ông **A** phải chịu án phí tương ứng với phần tài sản thừa kế mình được nhận mới đúng quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Ông **A** có nghĩa vụ thanh toán cho ông **Tô Văn K** giá trị 02 căn nhà trên đất có tổng giá trị 88.870.700 đồng và thanh toán cho ông **Tô Ánh V** giá trị 01 căn nhà trên đất có giá trị 74.512.224 đồng, nên ông **A** cũng phải chịu tiền án phí đối với phần nghĩa vụ thanh toán lại giá trị tài sản trên đất này, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không buộc ai phải chịu tiền án phí đối với phần nghĩa vụ này là sai quy định pháp luật.

Như vậy, tổng giá trị tài sản ông **A** phải chịu tiền án phí sơ thẩm là: 339.750.000 đồng + 88.870.700 đồng + 74.512.224 đồng = 503.132.924 đồng.

Tiền án phí sơ thẩm ông **A** phải chịu là: 20.000.000 đồng + [(503.132.924 đồng – 400.000.000 đồng) x 4%] = 24.125.000 đồng (Làm tròn).

Từ những phân tích, nhận định như trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận phần liên quan đến kháng cáo của bị đơn ông **Tô Anh H1**, bà **Tô Thị Ánh N**, ông **Tô Ánh V**, ông **Tô Ánh P** – Sửa bản án sơ thẩm về phần tuyên án và phần án phí như trên.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn ông **Tô Anh H1**, bà **Tô Thị Ánh N**, ông **Tô Ánh V**, ông **Tô Ánh P** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông **Tô Anh H1**, bà **Tô Thị Ánh N**, ông **Tô Ánh V**, ông **Tô Ánh P**;

- Sửa một phần bản án sơ thẩm số 49/2023/DS-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 615, Điều 651, Điều 658 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167, Điều 179 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 24, khoản 7 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Tô Anh A** về chia di sản thừa kế của bà **Trần Thị Đ1** là quyền sử dụng diện tích đất 227m² (đo đạc thực tế là 283,8m²), thửa đất số 239, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại **xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 686475 được Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 04/12/2009 cho hộ bà **Trần Thị Đ1**, thành 08 phần bằng nhau cho 08 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà **Trần Thị Đ1**, gồm: Ông **Tô Văn K**, ông **Tô Anh H1**, bà **Tô Thị Ánh N**, ông **Tô Ánh V**, ông **Tô Ánh P**, ông **Tô Ánh Đ**, bà **Tô Thị Ánh B** và ông **Tô Anh A**. Được chia bằng tiền cụ thể: Di sản thừa kế của bà **Trần Thị Đ1** là quyền sử dụng đất có giá trị 906.000.000 đồng : 8 người = 113.250.000 đồng (Một trăm mười ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Ghi nhận việc ông **Tô Văn K** và bà **Tô Thị Ánh B** tự nguyện giao phần tài sản thừa kế mình được nhận cho ông **Tô A** Âm quản lý, sử dụng và không yêu cầu ông **Tô A** Âm phải thanh toán lại giá trị phần tài sản thừa kế mà ông **Tô Văn K** và bà **Tô Thị Ánh B** được hưởng.

+ Giao cho ông **Tô A** Âm được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt diện tích đất 227m² (đo đạc thực tế là 283,8m²) tại thửa đất số 239, tờ bản đồ số 22, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 686475 ngày 04/12/2009 cho hộ bà **Trần Thị Đ1** và toàn bộ tài sản trên đất. Đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông **Đại H3**; Phía Tây giáp đất ông **Tô Anh A**; Phía Nam giáp nương thủy lợi; Phía Bắc giáp Quốc lộ B.

+ Ông **Tô Anh A** có nghĩa vụ thanh toán cho ông **Tô Anh H1**, bà **Tô Thị Ánh N**, ông **Tô Ánh V**, ông **Tô Ánh P**, ông **Tô Ánh Đ** mỗi người 113.250.000 đồng (Một trăm mười ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) là giá trị phần thừa kế mà ông **Tô Anh H1**, bà **Tô Thị Ánh N**, ông **Tô Ánh V**, ông **Tô Ánh P**, ông **Tô Ánh Đ** được thừa hưởng của bà **Trần Thị Đ1**.

+ Ông **Tô Anh A** có nghĩa vụ thanh toán cho ông **Tô Văn K** số tiền 88.870.870 đồng (Tám mươi tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn tám trăm bảy mươi đồng) giá trị tài sản trên đất do ông **Tô Văn K** tạo lập.

+ Ông **Tô Anh A** có nghĩa vụ thanh toán cho ông **Tô Ánh V** số tiền 74.512.224 đồng (Bảy mươi bốn triệu năm trăm mười hai nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng) giá trị tài sản trên đất do ông **Tô Ánh V** tạo lập.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông **Tô Anh A** có quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 686475 do UBND huyện K cấp cho hộ bà **Trần Thị Đ1** ngày 04/12/2009 và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khi làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về chi phí tố tụng: Ông **Tô Anh A** tự nguyện chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (đã nộp và chi phí xong).

[2.3] Về án phí:

[2.3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông **Tô Anh Â** phải chịu 24.125.000 đồng (Hai mươi bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (Ông **Võ Lê K1** nộp thay) theo biên lai thu số AA/2021/0015852 ngày 17/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc. Ông **Tô Anh Â** còn phải nộp 21.625.000 đồng (Hai mươi một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc.

+ Ông **Tô Văn K**, bà **Tô Thị Ánh Ba k** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông **Tô Anh H1**, bà **Tô Thị Ánh N** được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông **Tô Ánh V**, ông **Tô Ánh P**, ông **Tô Ánh Đ** mỗi người phải chịu 5.662.500 đồng (Năm triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí đối với phần di sản thừa kế được nhận.

[2.3.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

+ Ông **Tô Anh H1**, bà **Tô Thị Ánh N**, ông **Tô Ánh V**, ông **Tô Ánh P** không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

+ Ông **Tô Ánh V** và ông **Tô Ánh P** mỗi người được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0003523 ngày 13/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Triết

